

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

Số:17/2015/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tuy Hòa, ngày 13 tháng 5 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư vào
Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên.**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND đã được Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 87/2010/NĐ-CP ngày 13/8/2010 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu; số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài chính: số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 về hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ;

Để triển khai thực hiện các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 2457/QĐ-TTg ngày 31/12/2010 V/v Phê duyệt Chương trình Quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020; số 1895/QĐ-TTg ngày 17/12/2012 V/v Phê duyệt Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thuộc Chương trình Quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020; số 2292/QĐ-TTg ngày 27/11/2013 V/v Thành lập và ban hành quy chế hoạt động của Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư (tại Báo cáo số 166/BC-SKHĐT-KTXH ngày 27/4/2015), đề nghị của Ban Quản lý Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên (tại Tờ trình số 09/TTr-BQLKNN ngày 05/5/2015), ý kiến của Sở Tư pháp (tại Báo cáo thẩm định số 28/BC-STP ngày 17/3/2015),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư vào Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND Tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Xây dựng, Tư pháp; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Tỉnh; Cục trưởng Cục thuế Tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã,

thành phố; Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh Phú Yên; các Nhà đầu tư và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Đình Cự

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư vào
Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên.**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số:17/2015/QĐ-UBND
ngày 13 tháng 5 năm 2015 của UBND tỉnh Phú Yên).*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định các chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư đối với các dự án đầu tư vào Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên (sau đây viết tắt là Khu NNƯDCNC Phú Yên).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Các Nhà đầu tư có đủ điều kiện đầu tư vào Khu NNƯDCNC Phú Yên.
- Các cơ quan, đơn vị của Tỉnh liên quan đến thực hiện chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư.

Chương II CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ VÀ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ

Điều 3. Đối tượng, tiêu chuẩn nhà đầu tư trong NNƯDCNC

Nhà đầu tư thực hiện đầu tư vào Khu NNƯDCNC Phú Yên phải có dự án đáp ứng các yêu cầu sau:

1. Dự án đầu tư và phát triển vào lĩnh vực nghiên cứu, thử nghiệm, trình diễn mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; sản xuất sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Danh mục tiêu chí ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp (Phụ lục I) hoặc Danh mục đối tượng thực nghiệm, trình diễn, chuyển giao và sản xuất sản phẩm công nghệ cao (Phụ lục II); chuyển giao công nghệ cao trong lĩnh vực nông nghiệp; dịch vụ cung ứng vật tư, thiết bị và tiêu thụ sản phẩm; phục vụ dân sinh.

2. Xây dựng mô hình và đầu tư sản xuất sản phẩm để tạo ra sản phẩm nông nghiệp có chất lượng, năng suất, giá trị, hiệu quả cao và thân thiện với môi trường.

3. Tổng chi bình quân hoạt động nghiên cứu và phát triển được thực hiện phải đạt ít nhất 01% tổng doanh thu hằng năm, từ năm thứ tư trở đi phải đạt trên 01% tổng doanh thu (áp dụng theo điểm b, khoản 1, Điều 18 Luật Công nghệ Cao).

4. Số lao động của doanh nghiệp có trình độ có chuyên môn từ đại học trở lên trực tiếp thực hiện nghiên cứu và phát triển phải đạt ít nhất 05% tổng số lao động (áp dụng theo điểm d, khoản 1, Điều 18 Luật Công nghệ Cao).

5. Hệ thống quản lý chất lượng của dự án phải đạt một trong các tiêu chuẩn sau: Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 9001:2008, Viet GAP, Global GAP, CMM hoặc GMP

(tùy theo đặc thù dự án ứng dụng công nghệ cao áp dụng tiêu chuẩn Quốc gia hay Quốc tế).

6. Dự án phải tuân thủ các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trong lĩnh vực hoạt động của dự án theo quy định của pháp luật Việt Nam. Khuyến khích dự án đạt được các tiêu chuẩn Quốc tế về môi trường như: ISO14000 hoặc tiêu chuẩn tương đương.

Điều 4. Cơ sở hạ tầng dùng chung của Khu NNƯDCNC Phú Yên

Ban Quản lý Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao có trách nhiệm đầu tư cơ sở hạ tầng dùng chung của Khu NNƯDCNC Phú Yên, gồm: Hệ thống giao thông, điện, nước, hạ tầng thông tin, viễn thông, xây dựng hệ thống xử lý chất thải,... tạo thuận lợi cho Nhà đầu tư triển khai dự án đầu tư vào Khu NNƯDCNC Phú Yên.

Điều 5. Ưu đãi về đất đai

1. Miễn, giảm tiền thuê đất:

a) Nhà nước miễn tiền thuê đất (đối với diện tích đất xây dựng nhà ở cho công nhân, đất trồng cây xanh và đất phục vụ phúc lợi công cộng) cho Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư (áp dụng theo khoản 5, Điều 6 Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ).

b) Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư nằm trong quy hoạch của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt được miễn nộp tiền sử dụng đất khi chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án (áp dụng theo khoản 1, Điều 8 Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ).

c) Đất xây dựng công trình sự nghiệp của các tổ chức sự nghiệp công; đất xây dựng cơ sở nghiên cứu khoa học của doanh nghiệp khoa học và công nghệ nếu đáp ứng được các điều kiện liên quan (nếu có), bao gồm: Đất xây dựng phòng thí nghiệm, đất xây dựng cơ sở ươm tạo công nghệ và ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, đất xây dựng cơ sở thực nghiệm, đất xây dựng cơ sở sản xuất thử nghiệm thì được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước cho cả thời hạn thuê (áp dụng theo điểm đ, khoản 1, Điều 19 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ).

d) Miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản theo dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa không quá 03 (ba) năm kể từ ngày có quyết định cho thuê đất. Trường hợp người thuê đất sử dụng đất vào mục đích sản xuất nông nghiệp (trồng cây lâu năm) theo dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt thì thời gian xây dựng cơ bản vườn cây được miễn tiền thuê đất áp dụng đối với từng loại cây thực hiện theo quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc cây lâu năm do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định (áp dụng theo khoản 2, Điều 19 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ).

e) Việc giảm tiền thuê đất để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản mà bị thiên tai, hỏa hoạn làm thiệt hại được thực hiện theo các quy định của văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

2. Đơn giá thuê đất: Giá cho thuê đất đối với các dự án đầu tư tại Khu NNƯDCNC Phú Yên thực hiện theo đúng quy định hiện hành của UBND tỉnh Phú Yên trong từng thời kỳ.

3. Khi hết thời gian áp dụng mức ưu đãi về đất đai, Nhà đầu tư sẽ chuyển sang áp dụng định mức thuê đất theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 6. Ưu đãi về thuế

Doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hưởng mức ưu đãi cao nhất theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu (áp dụng theo khoản 2, Điều 19 Luật Công nghệ cao).

1. Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp:

a) Thu nhập được miễn thuế: (Áp dụng theo khoản 2 và khoản 3, Điều 8 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính).

- Thu nhập từ việc thực hiện dịch vụ kỹ thuật trực tiếp phục vụ nông nghiệp gồm: Thu nhập từ dịch vụ tưới, tiêu nước; cày, bừa đất; nạo vét kênh, mương nội đồng; dịch vụ phòng trừ sâu, bệnh cho cây trồng, vật nuôi; dịch vụ thu hoạch sản phẩm nông nghiệp.

- Thu nhập từ việc thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; Thu nhập từ doanh thu bán sản phẩm trong thời kỳ sản xuất thử nghiệm và thu nhập từ doanh thu bán sản phẩm làm ra từ công nghệ mới lần đầu tiên áp dụng tại Việt Nam. Thời gian miễn thuế tối đa không quá một (01) năm, kể từ ngày bắt đầu thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; ngày bắt đầu sản xuất thử nghiệm sản phẩm; ngày bắt đầu áp dụng công nghệ mới lần đầu tiên áp dụng tại Việt Nam.

+ Thu nhập từ việc thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được miễn thuế phải đảm bảo các điều kiện sau:

++ Có chứng nhận đăng ký hoạt động nghiên cứu khoa học;

++ Được cơ quan Nhà nước về khoa học có thẩm quyền xác nhận là hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

+ Thu nhập từ doanh thu bán các sản phẩm làm ra từ công nghệ mới lần đầu tiên được áp dụng tại Việt Nam được miễn thuế phải đảm bảo công nghệ mới lần đầu tiên áp dụng tại Việt Nam được cơ quan Nhà nước về Khoa học có thẩm quyền xác nhận.

b) Thu nhập được ưu đãi về thuế áp dụng theo khoản 1, khoản 2, Điều 19 và khoản 1, khoản 4 Điều 20 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính, đối với những trường hợp sau:

* Thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 (mười lăm) năm áp dụng đối với:

- Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại: Địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 218/2013/NĐ-CP, Khu kinh tế, Khu công nghệ cao kể cả khu công nghệ thông tin tập trung được thành lập theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới thuộc các lĩnh vực: Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; ứng dụng công nghệ cao thuộc danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển theo quy định của Luật Công nghệ cao; ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao; đầu tư mạo hiểm cho phát triển công nghệ cao thuộc danh mục công nghệ cao được ưu tiên phát triển theo quy định của pháp luật về công nghệ cao; đầu tư xây dựng - kinh doanh cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao.

- Doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy định của Luật Công nghệ cao.

+ Doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao theo quy định của Luật Công nghệ cao được hưởng ưu đãi về thuế suất kể từ năm được

cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

+ Doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên toàn bộ thu nhập của doanh nghiệp trừ các khoản thu nhập nêu tại điểm a, b, c, khoản 3, Điều 18 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính.

* Miễn thuế 04 (bốn) năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 (chín) năm tiếp theo đối với:

- Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới quy định tại khoản 1, Điều 19 Thông tư số 78/2014/TT-BTC.

- Thời gian miễn thuế, giảm thuế quy định tại Điều 20 Thông tư số 78/2014/TT-BTC được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mới được hưởng ưu đãi thuế; Trường hợp doanh nghiệp không có thu nhập chịu thuế trong 03 (ba) năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư mới thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư dự án đầu tư mới phát sinh doanh thu.

c) Ngoài ra, Nhà đầu tư được hưởng đầy đủ các ưu đãi khác về thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định hiện hành của pháp luật.

2. Ưu đãi về thuế giá trị gia tăng: Nhà đầu tư được hưởng đầy đủ các ưu đãi về thuế giá trị gia tăng theo quy định hiện hành của pháp luật.

3. Ưu đãi về thuế xuất nhập khẩu:

- Giống cây trồng vật nuôi được phép nhập khẩu để thực hiện dự án đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp được miễn thuế nhập khẩu (áp dụng theo khoản 7, Điều 12 Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13/8/2010 của Chính phủ).

- Hàng hoá nhập khẩu để tạo ra tài sản cố định vào lĩnh vực sản xuất công nghệ cao, công nghệ sinh học được miễn thuế nhập khẩu: Thiết bị, linh kiện máy móc; phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ trong nước chưa sản xuất được; nguyên vật liệu trong nước chưa sản xuất được (áp dụng theo khoản 6, Điều 12 Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13/8/2010 của Chính phủ).

- Miễn thuế nhập khẩu trong thời hạn 05 (năm) năm kể từ ngày bắt đầu sản xuất đối với nguyên liệu, vật tư, linh kiện trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu để sản xuất của các dự án đầu tư vào lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư (áp dụng theo khoản 14, Điều 12 Nghị định 87/2010/NĐ-CP ngày 13/8/2010 của Chính phủ).

4. Trong cùng thời gian, nếu Nhà đầu tư được hưởng nhiều mức ưu đãi thuế khác nhau đối với cùng một khoản thu nhập thì Nhà đầu tư được lựa chọn áp dụng mức thuế ưu đãi có lợi nhất.

5. Ngoài ra, doanh nghiệp, Nhà đầu tư còn được hưởng đầy đủ các chính sách ưu đãi khác về thuế theo các quy định hiện hành.

Điều 7. Phí sử dụng hạ tầng và phí xử lý nước thải

Phí sử dụng hạ tầng và phí xử lý nước thải được thực hiện theo đúng quy định hiện hành của UBND tỉnh Phú Yên trong từng thời kỳ cho các Nhà đầu tư sau khi đã đầu tư xong cơ sở hạ tầng.

Điều 8. Chính sách riêng đối với tổ chức tiên phong

Ưu tiên chọn khu đất thuận lợi, phù hợp với quy hoạch chi tiết của Khu cho 05 Nhà đầu tư đầu tiên tham gia và thực hiện dự án đúng khối lượng và thời gian cam kết khi thực hiện đầu tư vào Khu NNUĐCNC Phú Yên.

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ NHÀ ĐẦU TƯ.

Điều 9. Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực, phát triển thị trường và ứng dụng khoa học công nghệ

1. Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực, phát triển thị trường và ứng dụng công nghệ cao đối với tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư xây dựng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy định tại Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ, Quyết định số 2457/QĐ-TTg ngày 31/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 1895/QĐ-TTg ngày 17/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản quy định hiện hành.

2. Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên hỗ trợ Nhà đầu tư trong việc tìm kiếm, gỡ gỡ các cơ sở đào tạo trong nước để tuyển dụng nguồn nhân lực chất lượng cao khi có yêu cầu.

Điều 10. Hỗ trợ về chuyển giao công nghệ

1. Liên kết chặt chẽ giữa các cơ sở nghiên cứu, đào tạo, khu, vùng sản xuất công nghệ cao tại vùng sinh thái.

2. Tăng cường sự phối hợp giữa Nhà nước, nhà tư vấn, nhà khoa học, doanh nghiệp và nhà nông.

3. Nhà đầu tư có dự án đầu tư vào Khu NNUĐCNC Phú Yên có nhu cầu chuyển giao công nghệ để đổi mới công nghệ, đổi mới sản phẩm, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp được xem xét hỗ trợ kinh phí từ Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Điều 11. Hỗ trợ xây dựng và quảng bá

Hỗ trợ xây dựng, quảng bá thương hiệu sản phẩm của Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên.

1. Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư được ngân sách Nhà nước hỗ trợ 50% chi phí quảng cáo doanh nghiệp và sản phẩm trên các phương tiện thông tin đại chúng; 50% kinh phí tham gia triển lãm hội chợ trong nước; được giảm 50% phí tiếp cận thông tin thị trường và phí dịch vụ từ cơ quan xúc tiến thương mại của Nhà nước (áp dụng theo điểm b, khoản 1, Điều 9 Nghị định 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013).

2. Các khoản hỗ trợ nêu tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo dự án đầu tư. Tổng các khoản hỗ trợ cho một dự án tối đa không quá 10% tổng mức đầu tư dự án và không quá 01 tỷ đồng. Trường hợp doanh nghiệp không sử dụng hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách Nhà nước, các hỗ trợ này được tính vào chi phí sản xuất của doanh nghiệp khi quyết toán với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (áp dụng theo khoản 2, Điều 9 Nghị định 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013).

Điều 12. Hỗ trợ trồng cây dược liệu

Nhà đầu tư được hỗ trợ theo Điều 12 Nghị định 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

Điều 13. Xuất nhập cảnh và cư trú

1. Người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài làm việc cho các dự án đầu tư tại Khu NNƯDCNC Phú Yên và các thành viên của gia đình được xem xét cấp thị thực xuất cảnh, nhập cảnh có giá trị sử dụng nhiều lần với thời hạn phù hợp với thời gian làm việc, hoạt động tại Khu NNƯDCNC Phú Yên theo quy định hiện hành của pháp luật.

2. Người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài làm việc cho các dự án tại Khu NNƯDCNC Phú Yên được tạo điều kiện thuận lợi về cư trú theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 14. Hỗ trợ vay vốn

Nhà đầu tư có các dự án đầu tư vào Khu NNƯDCNC Phú Yên thuộc đối tượng vay vốn, được UBND tỉnh Phú Yên xem xét cho vay ưu đãi theo chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn của Chính phủ đang hiện hành; được tài trợ vốn vay tại Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ với lãi suất ưu đãi để triển khai thực hiện dự án; được Ban Quản lý Khu NNƯDCNC Phú Yên hỗ trợ tiếp cận Ngân hàng trên địa bàn Tỉnh và các tổ chức tín dụng khác để tìm kiếm nguồn vốn vay nhằm phát triển dự án.

Điều 15. Ngoài các khoản hỗ trợ trên, Nhà đầu tư được hưởng các khoản hỗ trợ khác theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm của các cơ quan chức năng

1. UBND tỉnh Phú Yên: Chuẩn bị trước mặt bằng và đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng dùng chung của Khu NNƯDCNC Phú Yên.

2. Ban Quản lý Khu NNƯDCNC Phú Yên chịu trách nhiệm quản lý Nhà nước đối với các hoạt động đầu tư vào Khu NNƯDCNC Phú Yên, hướng dẫn Nhà đầu tư tìm hiểu và thực hiện dự án đầu tư vào Khu NNƯDCNC Phú Yên, có nhiệm vụ hỗ trợ cho các Nhà đầu tư về thành lập doanh nghiệp; giấy phép đầu tư; thủ tục xuất nhập khẩu; thủ tục giao đất, cho thuê đất; giấy phép xây dựng; visa nhập cảnh nhiều lần và một số hỗ trợ khác về thủ tục hành chính liên quan trực tiếp đến hoạt động của Nhà đầu tư trong Khu NNƯDCNC Phú Yên.

3. Định kỳ hằng năm Ban Quản lý Khu NNƯDCNC Phú Yên báo cáo cho UBND Tỉnh về tình hình thực hiện của Khu NNƯDCNC Phú Yên.

4. Các sở, ngành và các cơ quan có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình phối hợp với Ban Quản lý Khu NNƯDCNC Phú Yên thực hiện chức năng quản lý nhà nước và các lĩnh vực có liên quan đối với Khu NNƯDCNC Phú Yên.

Điều 17. Trách nhiệm của Nhà đầu tư

1. Chịu trách nhiệm tổ chức triển khai dự án đúng tiến độ đã cam kết. Sau 12 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư, nếu dự án không triển khai theo đúng tiến độ đã cam kết thực hiện mà không có lý do chính đáng sẽ bị thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Nhà đầu tư phải sử dụng đúng mục đích đã được ghi trong hợp đồng thuê đất, các nghĩa vụ khác của người sử dụng đất theo quy định.

3. Nhà đầu tư thuộc diện được hưởng các chính sách hỗ trợ theo Quy định này, chịu trách nhiệm đảm bảo đúng, đầy đủ các hồ sơ, chứng từ thanh quyết toán theo quy định.

4. Các dự án đầu tư vào Khu NNƯDCNC Phú Yên đảm bảo thực hiện tốt các quy định pháp luật trên lĩnh vực kinh doanh và phối hợp lực lượng chức năng trong triển khai thực hiện hoạt động đảm bảo an ninh trật tự, xây dựng môi trường ổn định.

Điều 18. Trách nhiệm thi hành

1. Giao Trưởng ban Quản lý Khu NNƯDCNC Phú Yên phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện quy định này.

2. Quy định này được sửa đổi, bổ sung khi có các cơ chế chính sách mới của Trung ương và Tỉnh để tạo điều kiện thuận lợi cho Nhà đầu tư áp dụng cho từng thời điểm.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc, các sở, ban, ngành, đoàn thể Tỉnh và các cơ quan có liên quan phản ánh bằng văn bản về Ban Quản lý Khu NNƯDCNC Phú Yên để tổng hợp, tham mưu cho UBND tỉnh Phú Yên xem xét và sửa đổi./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Đình Cự

PHỤ LỤC I

TIÊU CHÍ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO TRONG NÔNG NGHIỆP.

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 17/2015/QĐ-UBND
ngày 13 tháng 5 năm 2015 của UBND tỉnh Phú Yên).*

Những công nghệ trong lĩnh vực sau đây được xác định là công nghệ cao:

1. Công nghệ sinh học trong nông nghiệp:

a) Ứng dụng sinh học phân tử trong giám định bệnh hại cây trồng; Công nghệ sản xuất và ứng dụng các bộ KIT chẩn đoán nhanh bệnh hại cây trồng và vật nuôi.

b) Ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất các chế phẩm sinh học phục vụ nông nghiệp và môi trường. Cụ thể là tạo ra các sản phẩm đầu vào cho các ngành sản xuất phân hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật, sản xuất nấm (nấm ăn và nấm dược liệu), sản xuất các chế phẩm xử lý môi trường...

2. Công nghệ sản xuất giống:

a) Công nghệ nhân giống truyền thống có cải tiến (Nuôi cấy mô hom; vi ghép...).

b) Công nghệ nuôi nhân giống bằng nuôi cấy mô tế bào thực vật.

c) Chọn tạo giống mới bằng gây đột biến gen.

d) Công nghệ lai tạo giống có ứng dụng các kỹ thuật sinh học phân tử.

3. Kỹ thuật canh tác cây trồng:

a) Kỹ thuật canh tác không dùng đất: Thủy canh, màng dinh dưỡng, khí canh, trồng cây trên giá thể.

b) Sử dụng hệ thống tưới phun, tưới nhỏ giọt có hệ thống điều khiển tự động hoặc bán tự động; Cơ khí hóa toàn bộ hoặc một phần các khâu canh tác, thu hoạch.

c) Sử dụng hệ thống nhà kính, nhà lưới, nhà màng PE (polyethylene) có hệ thống điều khiển tự động hoặc bán tự động.

4. Công nghệ chăn nuôi gia súc gia cầm:

a) Áp dụng công nghệ nuôi nhà lạnh, nhà mát có hệ thống điều khiển tự động hoặc bán tự động.

b) Áp dụng cơ giới hóa đồng bộ có hệ thống điều khiển tự động hoặc bán tự động trong dây chuyền sản xuất.

c) Áp dụng công nghệ thu gom và xử lý chất thải đảm bảo tiêu chuẩn về môi trường.

5. Ứng dụng công nghệ mới trong bảo quản (điều chỉnh thành phần không khí, sử dụng enzym, màng thông minh...) và chế biến nông sản.

6. Công nghệ sản xuất vật liệu mới và ứng dụng để sản xuất giá thể, khay ươm cây giống, màng phủ nông nghiệp, màng bao trái, chất bảo quản nông sản, sản xuất các vật liệu, thiết bị phục vụ sản xuất như nhà kính, nhà lưới, nhà màng, hệ thống tưới...

7. Ứng dụng công nghệ thông tin, tự động hóa trong quy trình sản xuất, bảo quản và chế biến.

8. Công nghệ được sử dụng trong dự án phải là công nghệ thế hệ mới thuộc danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 66/2014/QĐ-TTg ngày 25/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

PHỤ LỤC II
DANH MỤC ĐỐI TƯỢNG THỰC NGHIỆM, TRÌNH DIỄN,
CHUYỂN GIAO VÀ SẢN XUẤT SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CAO.

*(Ban hành kèm theo Quyết định số:17/2015/QĐ-UBND
ngày 13 tháng 5 năm 2015 của UBND tỉnh Phú Yên).*

1. Lúa cao sản, lúa thơm chất lượng cao, tập trung vào giống và công nghệ sản xuất UDCNC về dinh dưỡng và bảo vệ cây trồng bằng biện pháp sinh học.
 2. Giống mía năng suất và chữ đường cao, tưới tiết kiệm và tự động hóa, cơ giới hóa canh tác và thu hoạch mía.
 3. Giống sắn cao sản, kỹ thuật canh tác bền vững, cơ giới hóa canh tác và thu hoạch sắn.
 4. Giống bông, tưới tiết kiệm nước và tự động hóa, cơ giới hóa canh tác và thu hoạch bông.
 5. Giống rau và công nghệ trồng rau an toàn.
 6. Giống hoa, cây cảnh và công nghệ sản xuất, bảo quản.
 7. Giống cây ăn quả và công nghệ trồng, bảo quản theo tiêu chuẩn Việt GAP, Global GAP...
 8. Giống nấm, công nghệ trồng, bảo quản, chế biến an toàn thực phẩm.
 9. Giống dược liệu, công nghệ trồng, bảo quản, chế biến an toàn.
 10. Giống gia súc, gia cầm và công nghệ nuôi an toàn sinh học, xử lý môi trường.
 11. Giống cây lâm nghiệp giá trị cao, công nghệ nhân giống và trồng rừng năng suất cao.
-

PHỤ LỤC III
DANH MỤC LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP ĐẶC BIỆT ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ.
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 17/2015/QĐ-UBND
ngày 13 tháng 5 năm 2015 của UBND tỉnh Phú Yên).

1. Trồng rừng, bảo vệ rừng, trồng cây dược liệu.
2. Xây dựng, phát triển vùng nguyên liệu tập trung cho công nghiệp chế biến.
3. Chăn nuôi gia súc gia cầm, thủy sản tập trung.
4. Sản xuất, phát triển giống cây trồng, giống vật nuôi, giống cây lâm nghiệp, giống thủy sản.
5. Ứng dụng công nghệ sinh học; công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.
6. Sản xuất nguyên liệu và chế biến thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản, chế phẩm sinh học.
7. Chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản, dược liệu.
8. Sản xuất bột giấy, giấy, bìa, ván nhân tạo trực tiếp từ nguồn nguyên liệu nông, lâm sản
9. Xây dựng hệ thống cấp nước sạch, thoát nước.
10. Xử lý ô nhiễm và bảo vệ môi trường; thu gom, xử lý nước thải, khí thải, chất thải rắn.
11. Dịch vụ bảo vệ thực vật, thú y.
12. Dịch vụ tư vấn đầu tư, khoa học, kỹ thuật về sản xuất nông, lâm, thủy sản.